

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 211/2022/DS-PT

Ngày: 22/8/2022

*“V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và yêu cầu di dời trụ điện”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Vân**.

Các Thẩm phán: - Ông **Mai Hoàng Khải**;

- Ông **Võ Ngọc Giàu**;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Dương Thị Hà Vy**, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

Bà **Hà Thúy Thảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp *“Quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời trụ điện”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2022/QĐXX-PT ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:

1/ **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1960.

2/ **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện G tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn:

1/ **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1966.

2/ **Trương Ánh L**, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện G tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông S: **Trương Ánh L**, sinh năm 1968. Theo giấy ủy quyền ngày 16/8/2022.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Nguyễn Tuấn A** – sinh năm 1982;

2/ **Nguyễn Thị Huyền T** – sinh năm 1986;

3/ **Nguyễn Thành T** – sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4/ **Nguyễn Thị Hồng T** – sinh năm 1997 (Xin vắng mặt);

5/ **Nguyễn Thị Hồng N** – sinh năm 2003 (Xin vắng mặt);

6/ **Nguyễn Thị Hồng V** – sinh ngày 16/02/2008;

Đại diện theo pháp luật: **Nguyễn Văn S** - sinh năm 1966 và **Trương Ánh L** - sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

7/ **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện G Tiền Giang.**

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Kim L** – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn S, sinh năm 1966; Trương Ánh L, sinh năm 1968.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm;*

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày: Ông Nguyễn Thành L là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 380, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.590m² tọa lại tại ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang, do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 02/12/2010. Nguồn gốc phần đất này là do ông L được tặng cho từ cha ruột. Hiện nay ông L đang thế chấp tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện G để vay vốn kinh doanh. Hiện nay chúng tôi làm hàng rào thì bị ông S, bà L và các con tranh cản vì cho rằng một phần thửa đất này là lối đi công cộng để gia đình ông làm lối đi ra lộ. Đây không phải là lối đi công cộng, ngoài gia đình ông S, bà L thì không còn ai khác đi trên lối đi này và đây cũng không phải là con đường duy nhất để đi ra lộ đơn phía trước vì ông S, bà L và các con vẫn còn có lối đi khác song song với lối đi này nhưng dài hơn. Phần đất ông S, bà L và các con làm lối đi đang tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 33,7m². Trên phần đất này ông S và bà L có trồng một cây trụ điện để dẫn điện vào nhà. Nay chúng tôi yêu cầu: Công nhận phần đất có tổng diện tích 33,7m², là nằm trong thửa đất số 380, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.590m² tọa lại tại ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00454 do ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 02/12/2010 tên chủ sử dụng ông Nguyễn Thành L; Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Trương Ánh L và các con của ông gồm Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Hồng V trả lại cho ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Tuyết H phần đất có tổng diện tích 33,7m², nằm trong thửa đất số 380, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.590m² tọa lại tại ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang có vị trí tứ cận: Tây giáp: đường Sáu Lùn; Bắc giáp: phần còn lại của thửa 380; Đông giáp: Nguyễn Văn S và Trương Ánh L; Nam giáp: Nguyễn Văn U; Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L phải di dời một cây trụ điện ra khỏi phần đất của chúng tôi.

Bị đơn bà Trương Ánh L, ông Nguyễn Văn S trình bày: Chúng tôi là vợ chồng. Tôi với ông Nguyễn Thành L là chú bác họ, ông nội tôi và ông nội ông Nguyễn Thành L là anh em ruột. Khi ông cố tôi chia đất cho ông nội tôi và ông nội ông L đã cho ông nội tôi đường đi này rồi và từ đó cho đến nay gia đình chúng tôi đều đi trên còn đường này. Đến cuối năm 2009, đoàn đo đạc tỉnh kết hợp đoàn đo đạc huyện đo lại để cấp sổ mới thì ông L đã chỉ ranh gồm cả đường đi và còn lấn sang đất của tôi mà không cho tôi biết. Sau khi cấp giấy quyền sử dụng đất thì ông L đã tranh chấp với tôi nhiều lần cho đến nay. Diện tích đất cũ của tôi là 2.190m² thuộc thửa 1613 cấp ngày 05/09/2000 của ủy ban nhân dân huyện G cấp. Diện tích đất giấy quyền sử dụng mới của tôi chỉ còn 1771.0m² thửa mới 382 cấp ngày 04/02/2009 của Ủy ban nhân dân huyện G cấp. Hiện nay phần đất ông L, bà H đang tranh chấp chúng tôi đang sử dụng để đi từ nhà ra lộ. Lối đi này gia đình chúng tôi đã sử dụng từ rất lâu rồi, theo chúng tôi thì đây là lối đi công cộng nên không đồng ý theo yêu cầu của ông L, bà H. Trên phần đất mà ông L, bà H đang tranh chấp, chúng tôi có trồng một cây trụ điện để dẫn điện vào nhà chúng tôi sử dụng. Ngoài lối đi này chúng tôi còn có một lối đi khác để ra lộ nhưng do lối đi này trồng tre, cây cối rậm rạp. Hiện nay ông S lại đang bị bệnh tai biến không có người để đón dọn, các con chúng tôi còn nhỏ. Nay chúng tôi không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông L và bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

+ *Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Thị Huyền T, Nguyễn Thành T trình bày:* Chúng tôi thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Nguyễn Thành L, ngoài ra chúng tôi không có yêu cầu gì khác, chúng tôi xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện.

+ *Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Thị Hồng N trình bày:* Chúng tôi thống nhất lời trình bày của ông S và bà L, ngoài ra chúng tôi không có ý kiến gì.

+ *Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện G Tiền Giang trình bày:* Hiện nay ông Nguyễn Thành L còn dư nợ 40.000.000

đồng và ông L cam kết sẽ thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện G, Tiền Giang. Vì vậy, Ngân hàng không tham gia vụ kiện và không có ý kiến. Ngân hàng xin được vắng mặt trong suốt vụ kiện, ngân hàng không có ý kiến gì trong vụ kiện này.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã: Căn cứ các Điều 26, 35, 39; 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 165, Điều 166, Điều 175 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Tuyết H.

Công nhận phần đất có diện tích 33,7m² tọa lại tại ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang là thuộc thửa số 380, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.590m² đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 673024 cấp ngày 02/12/2010 tên chủ sử dụng ông Nguyễn Thành L.

- Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L và các con của ông S, bà L gồm Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Hồng V trả lại cho ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Tuyết H phần đất có diện tích 33,7m² nằm trong thửa đất số 380, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.590m² tọa lại tại ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang có vị trí tứ cận: Tây giáp: đường Sáu Lùn; Bắc giáp: phần còn lại của thửa 380; Đông giáp: đất Nguyễn Văn S và Trương Ánh L; Nam giáp: đất Nguyễn Văn U.

- Buộc ông Nguyễn Văn S và Trương Ánh L phải di dời 01 (một) cây trụ điện có kết cấu trụ bê tông đúc sẵn (120 x 120 mm), dài 3,5m, tim trụ điện cách mép đường đan Sáu Lùn 18,7m, cách hàng ranh phía Nam giáp đất Nguyễn Văn U 0,2m ra khỏi phần đất có diện tích 33,7m² nằm trong thửa đất số 380, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.590m² tọa lại tại ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang có vị trí tứ cận: Tây giáp: đường Sáu Lùn; Bắc giáp: phần còn lại của thửa 380; Đông giáp: đất Nguyễn Văn S và Trương Ánh L; Nam giáp: đất Nguyễn Văn U.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 28 tháng 3 năm 2022, bị đơn Nguyễn Văn S, Trương Ánh L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm

sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Tuyết H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L trả lại phần diện tích 33,7m² nằm trong thửa 380, tờ bản đồ 15 tọa lại tại ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH00454 do ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 02/12/2010 tên chủ sử dụng ông Nguyễn Thành L; Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L phải di dời một cây trụ điện ra khỏi phần đất này.

- Người kháng cáo ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L kháng cáo nhưng không có bổ sung thêm chứng cứ mới để xem xét. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng T; Nguyễn Thị Hồng N; Nguyễn Thị Hồng V vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L trả lại phần diện tích 33,7m² nằm trong thửa 380, tờ bản đồ 15 tọa lại tại ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH00454 do ủy ban nhân dân huyện G cấp

ngày 02/12/2010 tên chủ sử dụng ông Nguyễn Thành L; Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L phải di dời một cây trụ điện ra khỏi phần đất này nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp QSDĐ và yêu cầu di dời trụ điện trên đất” là có căn cứ đúng quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Tuyết H với bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L là đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ông S, bà L cho rằng: đã sử dụng phần diện tích tranh chấp 33,7m² làm lối đi từ trước năm 1980. Đến năm 2009 gia đình ông L lên làm thủ tục cấp giấy đã tự kê khai phần diện tích này vào đất ông L mà ông bà không hề hay biết; Phần diện tích tranh chấp này trước đây thuộc thửa 1613 diện tích 2.190 m² cấp cho ông theo giấy chứng nhận QSDĐ số 026/QSDĐ ngày 05/9/2000 (bút lục 32). Nay cấp đổi thành thửa mới số 382 diện tích chỉ còn 1.771 m² (mất 419 m²) theo giấy H05193 ngày 10/7/2009 (bút lục 34).

- Ý kiến ông L, bà H: Thừa nhận gia đình ông S đã sử dụng phần diện tích tranh chấp làm lối đi ra đường công cộng từ trước năm 1980. Tuy nhiên ông nội ông và ông nội ông S là anh em ruột. Khi ông cố cho đất ông nội anh là có cho luôn phần lối đi này. Do là bà con nên gia đình ông để cho gia đình ông S đi tạm vì lối đi ra lộ trên đất ông S dài hơn lối đi này. Năm 2009 cha ông làm thủ tục cấp giấy sau đó tặng cho lại ông khi làm thủ tục có đo đạc thực tế và ông S có ký giáp ranh.

*** Nhận xét Đánh giá ý kiến các bên:**

- Tại biên bản đo đạc xác định ranh giới diện tích đất của cán bộ địa chính xã N khi làm thủ tục tặng cho đất từ ông Nguyễn Văn T (cha ông L) qua cho ông Nguyễn Thành L có sự chứng kiến và ký xác nhận ranh đất của ông Nguyễn Văn S (bút lục 95). Nên việc ông S cho rằng ông L lên làm giấy đất ông không biết là không đúng. Qua đối chiếu hình thể thửa 1613 trong giấy chứng nhận QSDĐ số 026/QSDĐ ngày 05/9/2000 cấp lần đầu cho ông Nguyễn Văn S và hình thể thửa 382 (thửa cũ 1613) trong giấy chứng nhận QSDĐ mới số H05193 ngày 10/7/2009 cấp đổi lần hai cho ông S là cùng một thửa như bản đồ địa chính thể hiện không có sự thay đổi. Nên ý kiến ông S cho rằng bị mất đất do ông L kê khai diện tích lối đi qua cho ông L là không có căn cứ.

- Theo biên bản thẩm định đo đạc thực tế ngày 06/5/2021 của tòa án thì phần diện tích đang tranh chấp 33,7m² nằm hoàn toàn trong thửa 380 cấp cho ông Nguyễn Thành L. Còn thửa đất 382 cấp cho ông S chỉ giáp với phần diện tích tranh chấp đúng bằng chiều ngang của lối đi (bút lục 74).

- Theo sơ đồ dãy thửa (bút lục 86) thì thửa đất 382 của ông S còn có một lối đi thẳng ra lộ công cộng nhưng có chiều dài hơn nên ông S không sử dụng, mà sử dụng lối đi trên đất của ông L để ra lộ vì ngắn hơn (bút lục 107).

Từ các căn cứ trên, cho thấy phần diện tích tranh chấp 33,7 m² là thuộc thửa 380 cấp cho ông L nên án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ. Ông S bà L kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh nên bác.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: ông S, bà L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 165, Điều 166, Điều 175 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Tuyết H.

Công nhận phần đất có diện tích 33,7m² tọa lại tại ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang là thuộc thửa số 380, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.590m² đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 673024 cấp ngày 02/12/2010 tên chủ sử dụng ông Nguyễn Thành L.

- Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Trương Ánh L và các con của ông S, bà L gồm Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Hồng V trả lại cho ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Tuyết H phần đất có diện tích 33,7m² nằm trong thửa đất số 380, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.590m² tọa lại tại ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang có vị trí tứ cận:

Tây giáp: đường Sáu Lùn;

Bắc giáp: phần còn lại của thửa 380;

Đông giáp: đất Nguyễn Văn S và Trương Ánh L;

Nam giáp: đất Nguyễn Văn U'.

- Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L phải di dời 01 (một) cây trụ điện có kết cấu trụ bê tông đúc sẵn (120 x 120 mm), dài 3,5m, tim trụ điện cách mép đường đan Sáu Lùn 18,7m, cách hàng ranh phía Nam giáp đất Nguyễn Văn U' 0,2m ra khỏi phần đất có diện tích 33,7m² nằm trong thửa đất số 380, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.590m² tọa lại tại ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang có vị trí tứ cận:

Tây giáp: đường Sáu Lùn;

Bắc giáp: phần còn lại của thửa 380;

Đông giáp: đất Nguyễn Văn S và Trương Ánh L;

Nam giáp: đất Nguyễn Văn U'.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S và bà Trương Ánh L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 824.500 đồng dân sự sơ thẩm về tranh chấp QSDĐ và 300.00 đồng án phí di dời trụ điện. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006082 ngày 28/3/2022 của Chi cục thi hành án huyện G tỉnh Tiền Giang. Ông S bà L đã nộp xong án phí phúc thẩm. Ông S bà L còn phải nộp tiếp 824.500 đồng dân sự sơ thẩm tranh chấp QSDĐ và 300.00 đồng án phí di dời trụ điện.

+ Hoàn lại cho ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền là 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017159 ngày 18/02/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Vân

